|  |  |
| --- | --- |
|  | **UNIT TEST** |
| Tự học toán lớp 8 – Unit Test | |



When printing, turn **off** hidden text. (Select **Tools/Options/Print**, deselect **Hidden Text**.)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin dự án** | Tự học toán lớp 8Use this field if you have a preliminary AFE. | Phiên bản Use this field to track different versions of this SOW. | 1.0 |
| Quản lý dự án: This is the person responsible for the day-to-day execution of project activities. |  | Sở hữu dự án This is the person responsible for the budget used to fund this project. | Thầy Ngô Huy Biên |
| Nhóm thực hiện | 21 + 22 + 23 + 24 +25 | Ngày chuyển giao This is the date the SOW is submitted for review. | 13/06/2010 |
| Ngày bắt đầu This is the date costs begin to be charged to the project – usually the date the SOW is started. | 5/04/2010 | Ngày kết thúc | 31/05/2010 |

**Tổng quan các chức năng được thay đổi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Miêu tả** | **Tác giả** |
| 19/5/2010 | 1.0 | Unit test các hàm trong chức năng load bài học, đăng ký tài khỏan và đăng nhập | Lương Kiến Minh |
|  |  |  |  |

**Mục lục**

[Tổng quan các chức năng được thay đổi 1-1](#_Toc263013781)

[**Mục lục** 1-2](#_Toc263013782)

[1 UNitTest\_LoadFile(): 1-3](#_Toc263013783)

[2 Test\_LayDanhSachUser(): 2-3](#_Toc263013784)

[3 Test\_BUS\_KiemTraUserNameCoTonTaiChua(): 3-3](#_Toc263013785)

[4 Test\_BUS\_ThemNguoiDungMoi(): 4-3](#_Toc263013786)

[5 Test\_DAO\_ThemNguoiDungMoi(): 5-3](#_Toc263013787)

[6 Test\_DAO\_KiemTraTaiKhoanCoTonTaiHayKhong(): 6-4](#_Toc263013788)

[7 Test\_DAO\_LayMatKhauCuaTaiKhoan(): 7-4](#_Toc263013789)

[8 Test\_BUS\_LayMatKhauCuaTaiKhoan(): 8-4](#_Toc263013790)

# UNitTest\_LoadFile():

Test xem hàm đọc lên có đúng như tên file mong đợi không. Gọi hàm LoadFiles và mong đợi tên file được lấy là “Lessons\\chuong1.rtf”.

# Test\_LayDanhSachUser():

Test chức năng lấy danh sách user của hàm DAO.UserDAO.LayDanhSachTaiKhoan(DTO.UserDTO.DuongDanThuMucPupilAccount). Danh sách mong đợi là list: ".svn", "PupilUserName\_1", "PupilUserName\_2".

# Test\_BUS\_KiemTraUserNameCoTonTaiChua():

Test hàm BUS.ThongTinNguoiDung\_BUS.KiemTraUserNameCoTonTaiChua(ten) xem 1 user name có tồn tại hay không, test “hocsinh1” kết quả mong đợi trả về từ hàm trên là true.

# Test\_BUS\_ThemNguoiDungMoi():

Test hàm BUS.ThongTinNguoiDung\_BUS.ThemNguoiDungMoi(thongTinNguoiDung) thêm một người dùng mới, đưa vào XElement thongTinNguoiDung=

new XElement("ThongTinNguoiDung",

new XElement("TenDangNhap","hocsinh1"),

new XElement("MatKhau","12345678"),

new XElement("HoTen", "Học Sinh"),

new XElement("Truong","Nguyễn Trân"),

new XElement("Lop", "12A"),

new XElement("Email"),

new XElement("LoaiNguoiDung", 1));

và kết quả mong đợi trả ra là 0 (thành công), 1 (không tồn tại).

# Test\_DAO\_ThemNguoiDungMoi():

Test hàm DAO.ThongTinNguoiDung\_DAO.ThemNguoiDungMoi(duongDan, thongTinNguoiDung) thêm người dùng mới kết quả mong đợi trả ra từ hàm này là true (tạo thành công), thêm vào XElement thongTinNguoiDung =

new XElement("ThongTinNguoiDung",

new XElement("TenDangNhap", "hocsinh"),

new XElement("MatKhau", "12345678"),

new XElement("HoTen", "Học Sinh"),

new XElement("Truong", "Nguyễn Trân"),

new XElement("Lop", "12A"),

new XElement("Email"),

new XElement("LoaiNguoiDung",1));

kết quả mong đợi là true.

# Test\_DAO\_KiemTraTaiKhoanCoTonTaiHayKhong():

Test hàm DAO.NguoiDung\_DAO.KiemTraTaiKhoanCoTonTaiHayKhong, theo hàm này thì ta sẽ test xem tài khoản “TeacherUserName\_1” có nằm trong thư mục chứ tài khoản Giáo viên hay không, kết quả mong đợi là Có (true).

# Test\_DAO\_LayMatKhauCuaTaiKhoan():

Test hàm LayMatKhauCuaTaiKhoan() nằm trong class NguoiDung\_DAO, theo hàm này ta truyền vào 2 đối số là tên tài khỏan: “PupilUserName\_1” và đường dẫn đến thư mục chứa các tài khoản Học Sinh và nhận được password của tài khỏan đó (pass\_1), kết quả mong đợi là true

# Test\_BUS\_LayMatKhauCuaTaiKhoan():

Test hàm LayMatKhauCuaTaiKhoan() nằm trong class NguoiDung\_BUS, ta chỉ truyền vào 1 đối số là tên tài khoản cần lấy password (TeacherUserName\_2), hàm sẽ trả ra password của tài khỏan (pass\_4), kết quả mong đợi là false.